

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/DS-ST.**

Ngày: 13/10/2021

Về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Tạ Hồng Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Hoàng Thanh Nghệ** và ông **Trần Hữu Lượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Quang V, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt);

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông V.:* Anh Ngô Quang Đ.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 04/02/2019 dương lịch) chị Hà Thị T. có vay của ông Lưu Quang V. số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng). Khi vay có viết giấy vay tiền với nội dung cháu chị Hà Thị T. vay của ông V. số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), giấy vay có chữ ký người vay là Hà Thị T, không có thể hiện lãi suất, không thể hiện ngày trả tiền.

Sau đó, ông V. có đòi nhiều lần nhưng do chị T. không trả được tiền nên ông V. đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Quang V. số tiền gốc là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), không yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lưu Quang V. trình bày: Ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 04/02/2019 dương lịch) chị Hà Thị T. có vay số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng) của ông, khi vay có viết giấy vay tiền, có thỏa thuận lãi suất theo lãi suất ngân hàng và khi nào ông V. cần tiền đòi thì chị T. sẽ trả, việc thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên không ghi trong giấy vay tiền. Sau đó, khi cần tiền ông V. đòi nhiều lần nhưng chị T. không trả. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), không yêu cầu giải quyết về lãi suất.

Bị đơn chị Hà Thị T. không có mặt ở địa phương, kết quả xác minh tại nơi chị T. đăng ký hộ khẩu thường trú thể hiện: Chị Hà Thị T. có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại chị T. không có mặt tại địa phương, không biết chị T. ở đâu, làm gì. Do vậy, Tòa án không triệu tập được chị Hà Thị T. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được.

Tại kết luận giám định số 826/GĐ-KTHS ngày 25/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết ở phần nội dung, chữ ký T, chữ viết mang tên Hà Thị T. trong giấy vay tiền là mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký đứng tên Hà Thị T. do Tòa án thu thập làm mẫu so sánh tại Phòng quản lý hành chính Công an tỉnh Tuyên Quang (Tờ khai chứng minh nhân dân của Hà Thị T.) là do cùng một người viết và ký

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn thì không nghiêm túc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 04/02/2019 dương lịch) thể hiện chị Hà Thị T. có vay của ông Lưu Quang V. số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), quá trình thực hiện hợp đồng chị T. không trả được tiền cho ông V. nên ông V. làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Căn cứ Điều 280, 466 - Bộ luật Dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Quang V. số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng). Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về khoản tiền chi phí giám định, về lãi suất, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật:** Chị Hà Thị T. có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo Giấy vay tiền thể hiện ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 04/02/2019 dương lịch) chị T. có vay 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng) của ông V, nhưng sau đó chị T. không trả được tiền nên ông V. có đơn khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết buộc chị T. có nghĩa vụ trả cho ông V. số tiền gốc đã vay. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về người tham gia tố tụng:** Theo nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện địa chỉ của bị đơn chị Hà Thị T. ở Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T. đi làm ăn xa, hiện không có mặt ở địa phương, khi đi không báo chính quyền, không làm thủ tục tạm trú, tạm vắng. Như vậy, chị T. đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cũng như ông V. biết nên được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ với ông V. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]. Về yêu cầu khởi kiện:** Căn cứ bản Kết luận giám định số 826/GĐ-KTHS ngày 25/9/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, căn cứ lời trình bày của ông Lưu Quang V.; căn cứ bản chính giấy vay tiền do ông V. cung cấp, thể hiện: Ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 04/02/2019 dương lịch) chị Hà Thị T. có vay số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng) của ông Lưu Quang V. Ông V. đã đòi nhiều lần nhưng chị T. vẫn không trả tiền nên ông V. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho ông V. là có cơ sở, phù hợp thỏa thuận trong Giấy vay tiền và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn chị Hà Thị T. không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc có chấp nhận hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét những chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn là ông V. cung cấp và do Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lưu Quang V. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc 59.000.000 đồng, số tiền lãi 18.437.500 đồng, tổng cộng 77.437.500 đồng. Quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T. có nghĩa vụ trả cho ông V. số tiền gốc 59.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết về lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự

nguyên, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận và không xem xét giải quyết về lãi suất.

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang V. buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Quang V. số tiền còn nợ gốc là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng). Do ông V. không yêu cầu giải quyết về lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết về lãi suất.

**[4]. Về chi phí giám định:** Ngày 30/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã ra Thông báo số 37/TB-TA về việc nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và ngày 10/9/2021 đã tạm thu của nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp.

Theo giấy biên nhận thu tiền bồi dưỡng giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang số tiền chi phí cho việc giám định chữ viết chữ ký là 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền còn dư sau khi thanh toán chi phí giám định là 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã được trả lại cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhận ngày 30/9/2021.

Do yêu cầu của ông Lưu Quang V. được chấp nhận nên buộc chị Hà Thị T. phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông V. số tiền chi phí giám định 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định tại Điều 161, 162 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Hà Thị T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Lưu Quang V. là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 161, 162, 227, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang V, buộc chị Hà Thị T. có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Quang V. số tiền nợ gốc là **59.000.000** đồng (năm mươi chín triệu đồng).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về chi phí giám định: Chị Hà Thị T. có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lưu Quang V. số tiền chi phí giám định là **2.550.000** đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Chị Hà Thị T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh, huyện (02 bản);
- CC THA DS huyện SD (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**